

Bản án số: **21 /2021/DS-ST**

Ngày 08-7-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS, ngày 24/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2021/QĐST-DS, ngày 17/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT**; Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGT – Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số 3961/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh H: Ông Nguyễn Đức Th – chức vụ: Phó phòng giao dịch Cư Jút, thuộc Ngân hàng TMCP SGT – Chi nhánh Đắk Nông. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 77A/2021/GUQ-CNĐNO ngày 22/3/2021)

- *Bị đơn:* + Ông **Huỳnh Văn T** - sinh năm 1990

+ Bà **Nguyễn Thị S** - Sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn Quảng Đ, xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

(Ông T, bà S đều vắng mặt lần thứ 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 13/11/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn – ông Nguyễn Đức Th trình bày:

1. Ngày 18/04/2018 và ngày 22/04/2019 ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có vay tiền của Ngân hàng TMCP SGTT- Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng) như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng gốc số: 566/18/HĐCTD, Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018; Số tiền vay: 400.000.000 đồng; lãi suất 03 tháng đầu 12%, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳVNĐ + biên độ 4.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/04/2023;

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019: Giấy nhận nợ số LD1911200335 ngày 22/04/2019; Số tiền vay: 110.000.000 đồng; lãi suất 03 tháng đầu 12%, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳVNĐ + biên độ 4.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 22/4/2022.

Để bảo đảm cho 02 khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, bên vay đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124287 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01891, do UBND Huyện Krông Nô, cấp ngày 30/11/2017 cho Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S; đối với thửa đất số: 75, tờ bản đồ số: 53; Địa chỉ thửa đất: Xã Đắk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 566/18/TCCJ ngày 18/04/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/566/18/TCCJ ngày 22/04/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S thường xuyên không thanh toán gốc lãi đúng hạn cho Ngân hàng: Theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên, ông T và bà S phải thanh toán số tiền đến hạn theo phân kỳ trả nợ ngày 16/06/2020 là 58.525.332 đồng (trong đó: tiền gốc: 10.000.000 đồng, tiền lãi: 48.525.332 đồng) nhưng ông T và bà S không thanh toán.

Qua nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông T và bà S vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP SGTT đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

2. Ngày 02/08/2018, ông Huỳnh Văn T có đề nghị cấp thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP SGTT theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018; Hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 22/08/2018 đến ngày 17/07/2020, ông Tiến đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 192.428.190 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 161.811.000 đồng. Tính

đến ngày 08/7/2021, ông Tiến còn nợ số tiền sử dụng thẻ tín dụng là 75.195.273 đồng; trong đó dư nợ đầu kỳ 55.889.554, lãi phí phát sinh 19.305.719 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng TMCP SGTT đã thông báo, đồng thời cũng tạo điều kiện về thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết, có biểu hiện trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu cụ thể đối với bị đơn:

- Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 647.645.879 đồng (tính đến ngày 08/7/2021). Trong đó: Theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018, nợ gốc là 390.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 104.797.715 đồng; lãi phạt quá hạn là 7.788.686 đồng, tổng là 502.586.401 đồng; Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019, nợ gốc là 110.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 26.396.383 đồng; lãi phạt quá hạn là 8.663.095 đồng;

- Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông Huỳnh Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 75.195.273 đồng; trong đó dư nợ đầu kỳ 55.889.554, lãi phí phát sinh 19.305.719 đồng (tính đến ngày 08/7/2021). Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018

- Trường hợp ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ đối với Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S, tuy nhiên ông T và bà S vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, tại phiên tòa ông T và bà S vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần 1 và phiên tòa lần thứ 2.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền là 647.645.879 đồng (tính đến ngày 08/7/2021). Trong đó: Theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018, nợ gốc là 390.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 104.797.715 đồng; lãi phạt quá hạn là 7.788.686

đồng, tổng là 502.586.401 đồng; Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019, nợ gốc là 110.000.000 đồng, lãi phải trả theo hợp đồng là 26.396.383 đồng; lãi phạt quá hạn là 8.663.095 đồng; (Tính đến ngày xét xử 08/7/2021).

Buộc ông Huỳnh Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 75.195.273 đồng; trong đó dư nợ đầu kỳ 55.889.554, lãi phí phát sinh 19.305.719 đồng (tính đến ngày 08/7/2021). Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018

Kể từ ngày 09/7/2021, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018. Trường hợp ông T và bà S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 75, tờ bản đồ số: 53, tọa lạc tại xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124287, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01891, do UBND Huyện Krông Nô cấp ngày 30/11/2017 và tài sản trên đất, theo Hợp đồng thế chấp số 566/18/TCCJ ngày 18/04/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/566/18/TCCJ ngày 22/04/2019 để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGT-T khởi kiện ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S do vi phạm các hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào ngày 18/4/2018, ngày 02/5/2018 và ngày 22/4/2019, mục đích vay để tiêu dùng phục vụ đời sống, bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có địa chỉ tại thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này

thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[2]. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S. Xác minh tại Công an xã Đăk S thể hiện ông T và bà S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Quảng Đ, xã Đăk S, huyện Krông Nô. Tuy nhiên ông T và bà S vắng mặt tại địa phương, không thông báo thay đổi nơi cư trú với chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng. Vì vậy chính quyền địa phương và Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của ông T và bà S. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông T và bà S biết theo quy định.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ, nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.”

Theo tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp thể hiện người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là ông T và bà S, vì vậy ông T và bà S phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng ông T và bà S không thực hiện nghĩa vụ theo

đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, vắng mặt tại địa phương mà không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, do đó xác định ông T và bà S cố tình giấu địa chỉ Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ông T và bà S vắng mặt lần thứ 02 không lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng và yêu cầu của Nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018; Số tiền vay: 400.000.000 đồng; lãi suất 03 tháng đầu 12%, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 4.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/04/2023;

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGT và bên vay là ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc còn lại là 390.000.000 đồng: Theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018 thì ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S vay số tiền là 400.000.000 đồng với thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/4/2023. Ông Tiến, bà Sa đã thanh toán được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đến hạn theo phân kỳ trả nợ ngày 16/06/2020 khoản nợ ông T và bà S phải thanh toán là 58.525.332 đồng (trong đó: tiền gốc: 10.000.000 đồng, tiền lãi: 48.525.332 đồng) nhưng ông T và bà S không thanh toán. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Krông Nô yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 390.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi theo hợp đồng 104.797.715 đồng, lãi phạt quá hạn 7.788.686 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn (Có bản tính lãi kèm theo): HĐXX xét thấy tại Giấy nhận nợ kèm Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 thể hiện thời điểm Nguyên đơn giải ngân cho bị đơn thì lãi suất 03 tháng đầu 12%, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 4.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trong hợp đồng chia ra các kỳ trả nợ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.2]. Xét Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019: Giấy nhận nợ số LD1911200334 ngày 22/04/2019; Số tiền vay: 110.000.000 đồng; lãi suất 03 tháng đầu 10.5%, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 4.5%/năm nhưng không thấp

hơn lãi suất cho vay ban đầu và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Thời hạn vay: 36 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 22/4/2022; Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGT và bên vay là ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200334 ngày 22/04/2019 thì ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S vay số tiền là 110.000.000 đồng với thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 22/4/2019 đến ngày 22/4/2020. Đến hạn thanh toán ngày 22/4/2020 ông T và bà S không thanh toán được cả nợ gốc. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Krông Nô yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi theo hợp đồng 26.396.383 đồng, lãi phạt quá hạn 8.663.095 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn (có bằng tính lãi kèm theo): HĐXX xét thấy phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.3]. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018; Hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân. Tính đến ngày 08/7/2021, ông Tiến còn nợ số tiền sử dụng thẻ tín dụng là 75.195.273 đồng nên cần buộc ông Tiến phải thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng.

[3.4]. Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 09/7/2021 theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200335 ngày 22/04/2019. Buộc ông Huỳnh Văn T phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 09/7/2021 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018, cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên.

[4]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp số 566/18/TCCJ ngày 18/04/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/566/18/TCCJ ngày 22/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGT với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 75, tờ bản đồ số: 53, tọa lạc tại xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124287, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01891, do UBND Huyện Krông Nô cấp ngày 30/11/2017 và tài sản trên đất.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2021 thể hiện: Thửa đất số 75; tờ bản đồ số 53 trùng khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124287, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01891, do UBND Huyện Krông Nô cấp ngày 30/11/2017 mang tên ông Huỳnh

Văn T và bà Nguyễn Thị S. Công trình trên đất: có 01 nhà chòi tạm, tường xây gạch không tô trát; Cây trồng trên cát: có cây cà phê, cây tiêu trồng trên cây muồng (không kiểm đếm số lượng).

Xét thấy việc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S thế chấp Quyền sử dụng đất nói trên và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200334 ngày 22/04/2019. Vì vậy, trường hợp ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ đối với 02 khoản vay trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.300.000 đồng theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 2.300.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[7]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.545.000 đồng, nguyên đơn phải chịu số tiền trên và đã nộp Phiếu thu ngày 02/02/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/2/2021 của Báo thanh niên, Phiếu thu ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[8]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. $(20.000.000 \text{ đồng} + \{4\% \times [647.645.879 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}]\} = 29.905.000 \text{ đồng} \{ \text{làm tròn} \})$. Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền $75.195.273 \text{ đồng} \times 5\% = 3.759.763 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 14.650.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT (Người nộp tiền Nguyễn Đức Thi) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003972 ngày 18/11/2020.

[9]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 410; Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 184; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

- Buộc ông Huỳnh Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018 là 75.195.273 đồng; trong đó dư nợ đầu kỳ 55.889.554 đồng, lãi phí phát sinh 19.305.719 đồng, tính đến ngày xét xử 08/7/2021.

- Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018 là 502.586.401 đồng (trong đó: nợ gốc là 390.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 104.797.715 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 7.788.686 đồng), tính đến ngày xét xử ngày 8/7/2021.

- Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200335 ngày 22/04/2019 là 145.059.478 đồng (trong đó: nợ gốc là 110.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng 26.396.383 đồng, lãi phạt quá hạn 8.663.095 đồng, tính đến ngày xét xử ngày 8/7/2021).

Kể từ ngày 09/7/2021, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200335 ngày 22/04/2019. Ông Huỳnh Văn T phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 107079 ngày 02/05/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

Trường hợp ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 566/18/TCCJ ngày 18/04/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/566/18/TCCJ ngày 22/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Không Nô đối với Hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018 kèm Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019 kèm giấy nhận nợ số LD1911200334 ngày 22/04/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu số tiền trên. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 2.300.000 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT.

3. Về Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.545.000 đồng, nguyên đơn phải chịu số tiền trên và đã chi phí số tiền trên.

4. Án phí dân sự: Buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 3.759.763 đồng. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.905.000 đồng. (Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT (đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) số tiền 14.650.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP SGTT đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Không Nô theo biên lai số 0003972, ngày 18/11/2020.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện. Không Nô;
- Chi cục THADS huyện Không Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ KHAI

Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2021

Tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tôi là: Nguyễn Đức Thi – Phó Trưởng phòng giao dịch Cư Jút.

Là Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP SGTT. Theo văn bản ủy quyền số 77A/2021/GUQ-CNĐNO ngày 22/3/2021.

Nay, Tôi xin tự khai về việc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông khởi kiện Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S, với lý do sau:

1. Ngày 18/04/2018, Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo hợp đồng cấp tín dụng số 566/18/HĐCTD, hợp đồng cho vay số LD1810700803 ngày 18/04/2018: Giấy nhận nợ số 01/LD1810700803 ngày 20/04/2018; Số tiền vay: 400.000.000 đồng; Dư nợ vay: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 60 tháng; Thời điểm trả hết nợ là ngày 20/04/2023;

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 ngày 22/04/2019: Giấy nhận nợ số LD1911200335 ngày 22/04/2019; Số tiền vay: 110.000.000 đồng; Dư nợ vay: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 12 tháng; Thời điểm trả hết nợ là ngày 22/04/2020.

Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho món vay, bên vay đã thế chấp tài sản hợp pháp của mình là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 124287 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01891, do UBND Huyện Krông Nô, cấp ngày 30/11/2017, cấp cho Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S; Thửa đất số: 75, tờ bản đồ số: 53; Địa chỉ thửa đất: Xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; Diện tích: 15.930,7 m² Đất trồng cây lâu năm.

- Việc thế chấp tài sản trên được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 566/18/TCCJ ngày 18/04/2018, Thỏa thuận sử đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/566/18/TCCJ ngày 22/04/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất, tỉnh Đắk Nông và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo đúng quy định.

- Trong quá trình vay vốn, ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S đã thanh toán tiền gốc, lãi theo phân kỳ trả nợ cho Ngân hàng như sau:

+ Đến hạn trả nợ theo phân kỳ ngày 20/04/2019 ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S đã thanh toán tổng số tiền là 58.699.178 đồng (trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 48.699.178 đồng)

+ Đến hạn trả nợ theo phân kỳ ngày 20/04/2020 theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên, Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải trả tổng số tiền là 58.591.863 đồng (trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 48.591.863 đồng) nhưng Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S chỉ thanh toán số tiền lãi 66.531 đồng và không tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho ngân hàng.

- Tính đến hết ngày 08/07/2021 Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S còn nợ tổng số tiền là 647.645.879 đồng trong đó:

+ Theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 thì tiền gốc là 390.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 104.797.715 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 7.788.686 đồng; Tổng cộng là 502.586.401 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 thì tiền gốc là 110.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 26.396.383 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 8.663.095 đồng, tổng cộng là 145.059.478 đồng.

2. Ngày 02/05/2018, Ông Huỳnh Văn T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Cư Jút (Ngân hàng), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) số 107079 ngày 02/05/2018; Hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng cho đến nay, Ông Huỳnh Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 192.428.190 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 161.811.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 136.538.636 đồng, tiền lãi là 21.827.802 đồng, tiền phí là 3.444.562 đồng).

Đến kỳ thông báo giao dịch ngày 05/05/2020 ông Huỳnh Văn T phải thanh toán số tiền 50.957.220 đồng nhưng không thanh toán cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần thông báo đến kỳ thông báo giao dịch ngày 05/08/2020 ông Huỳnh Văn T phải thanh toán số tiền là 55.889.554 đồng (bao gồm tiền gốc, tiền lãi, tiền phí, phí sử dụng vượt hạn mức) nhưng ông Huỳnh Văn T không thanh toán. Vì vậy Ngân hàng đã chấm dứt

quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ sang tiền vốn quá hạn.

Tính đến hết ngày 08/07/2021, Ông Huỳnh Văn T còn nợ tổng số tiền vốn là 55.889.554 đồng, tiền lãi phát sinh là 19.305.719 đồng, tổng cộng là 75.195.273 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S, yêu cầu ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng và không có phương án trả nợ, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S:

1. Thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGT tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/07/2021 là 722.841.152 đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, một trăm năm mươi hai đồng) trong đó:

+ Theo Hợp đồng cho vay số LD1810700803 thì tiền gốc là 390.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 104.797.715 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 7.788.686 đồng; Tổng cộng là 502.586.401 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1911200334 thì tiền gốc là 110.000.000 đồng; tiền lãi theo hợp đồng là 26.396.383 đồng; tiền lãi phạt quá hạn là 8.663.095 đồng, Tổng cộng là 145.059.478 đồng.

+ Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 107079 thì số tiền vốn là 55.889.554 đồng, tiền lãi phát sinh là 19.305.719 đồng, Tổng cộng là 75.195.273 đồng.

Và các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

2. Trong trường hợp ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện trả nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có).

3. Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp sau khi Cơ quan Thi hành án/Cơ quan chức năng bán tài sản bảo đảm mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án,

chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì yêu cầu Toà tuyên buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Tôi xin cam đoan lời tự khai trên của tôi là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hậu quả pháp lý trong vụ án.

Trân trọng!

Xác nhận của TAND Huyện Krông Nô

Người tự khai

Nguyễn Đức Thi